

Bản án số: 27 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thế Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HN ngày 17 tháng 7 năm 2024. Giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ U – sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T – sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2024 và lời trình bày của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ U trong quá trình giải quyết vụ án thì: Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Khiết N, sinh ngày 30/01/2016 và cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 30/6/2021. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn ly hôn với anh Nguyễn Đức T sau khi kết hôn chung sống với nhau thì liên tục phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng lớn. Quá trình chung sống, anh Nguyễn Đức T có sử dụng vũ lực nên khiến cuộc sống hôn nhân trở nên trầm trọng. Hiện tại cả hai sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay. Xét thấy chị và anh T không thể tái hợp, tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện, đơn xin xét xử vắng mặt chị Lê Thị Mỹ U có nguyện vọng để anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cháu

Nguyễn Khiết N, sinh ngày 30/01/2016 và cháu **Nguyễn Đức P**, sinh ngày 30/6/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Nguyễn Đức T** trình bày: Anh đồng ý với toàn bộ lời khai của chị **Lê Thị Mỹ U** về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, nguyên nhân mâu thuẫn.

Với yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Mỹ U**: Về quan hệ hôn nhân, anh vẫn còn tình cảm với chị **U** nên không đồng ý ly hôn. Về con chung, anh đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu **Nguyễn Khiết N**, sinh ngày 30/01/2016 và cháu **Nguyễn Đức P**, sinh ngày 30/6/2021 cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chị **Lê Thị Mỹ U** đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn anh **Nguyễn Đức T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất và lần 2 bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chị **Lê Thị Mỹ U** được ly hôn với anh **Nguyễn Đức T**.

Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Khiết N**, sinh ngày 30/01/2016 và cháu **Nguyễn Đức P**, sinh ngày 30/6/2021 cho anh **Nguyễn Đức T** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị **Lê Thị Mỹ U** phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1 . Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: chị **Lê Thị Mỹ U** yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh **Nguyễn Đức T**, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại **Thôn T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, quá trình giải quyết nguyên đơn đã tham gia đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 17/7/2024, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa, đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Mỹ U** và anh **Nguyễn Đức T** kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh **Đắk Nông**, hôn nhân tự nguyện, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai thường xuyên phát sinh mâu thuẫn; sau khi kết hôn đã liên tục xảy ra xô xát, cãi vã.

Theo Biên bản xác minh ngày 17/6/2024 tại **Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông** người đại diện của địa phương cung cấp thông tin: “*Quá trình chung sống chị **Lê Thị Mỹ U** và anh **Nguyễn Đức T** có xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng có khúc mắc và đã từng ly thân vài lần.*”

Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chung sống, các bên đều không tìm lại được tiếng nói chung, dẫn đến mục đích xây dựng hạnh phúc gia đình, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Mỹ U**, xử cho chị **Lê Thị Mỹ U** được ly hôn với anh **Nguyễn Đức T** là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị **Lê Thị Mỹ U** và anh **Nguyễn Đức T** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Khiết N**, sinh ngày 30/01/2016 và cháu **Nguyễn Đức P**, sinh ngày 30/6/2021.

Hiện nay, các con chung đang được anh **T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị **Lê Thị Mỹ U** có nguyện vọng giao con chung là cháu **Nguyễn Khiết N**, sinh ngày 30/01/2016 và cháu **Nguyễn Đức P**, sinh ngày 30/6/2021 cho anh **Nguyễn Đức T** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Quá trình lấy lời khai của con chung, cháu **Nguyễn Khiết N** có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Tuy nhiên, con chung dưới 18 tuổi cần được đảm bảo về học tập và nơi ở ổn định. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu **Nguyễn Khiết N**, sinh ngày 30/01/2016 và cháu **Nguyễn Đức P**, sinh ngày 30/6/2021 cho anh **T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp, đảm bảo cho việc học tập cũng như phát triển toàn diện của các cháu.

Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị **Lê Thị Mỹ U** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí DSST: Chị **Lê Thị Mỹ U** phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST theo quy định pháp luật.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX xét thấy cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Lê Thị Mỹ U**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị Mỹ U** được ly hôn với anh **Nguyễn Đức T**.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Nguyễn Khiết N**, sinh ngày 30/01/2016 và cháu **Nguyễn Đức P**, sinh ngày 30/6/2021 cho anh **Nguyễn Đức T** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí DSST: Chị **Lê Thị Mỹ U** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về việc “Ly hôn” được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001835 ngày 21/02/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA huyện Đắk Mil;
- UBND xã Thuận An;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thế Thắng